

TTĐT(2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 116/NQ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

NGHỊ QUYẾT

Về Kế hoạch thực hiện Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: C
Ngày: 04/5/2026

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Căn cứ Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Trên cơ sở kết quả biểu quyết của các Thành viên Chính phủ.

QUYẾT NGHỊ:

Thực hiện các nhiệm vụ tại Kết luận số 213-KL/TW ngày 21 tháng 11 năm 2025 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 42-CT/TW ngày 24 tháng 3 năm 2020 về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai (sau đây viết tắt là Kết luận số 213-KL/TW), Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 213-KL/TW với những nội dung như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Kế hoạch của Chính phủ thực hiện Kết luận số 213-KL/TW nhằm cụ thể hóa, xác định rõ nhiệm vụ, trách nhiệm của các bộ, cơ quan ngang bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố tổ chức triển khai thực hiện, kiểm tra, giám sát, đánh giá việc thực hiện Kết luận số 213-KL/TW.

b) Kế hoạch của Chính phủ là căn cứ để các bộ, cơ quan ngang bộ và chính quyền địa phương cấp tỉnh xây dựng Kế hoạch chi tiết của bộ, cơ quan, địa phương theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao để tổ chức triển khai thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Kết luận số 213-KL/TW.

c) Quán triệt, triển khai nghiêm túc, kịp thời, thống nhất và hiệu quả Kết luận số 213-KL/TW, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động của các cấp, các ngành, các địa phương và toàn xã hội, thay đổi từ tư duy ứng phó sang quản trị rủi ro, tăng cường phòng ngừa chủ động, giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra. Xác định đây là nhiệm vụ quan trọng, cấp bách, thường xuyên của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội.

2. Yêu cầu

a) Bảo đảm sự chỉ đạo tập trung, thống nhất từ trung ương đến địa phương đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

b) Tăng cường phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các cấp từ trung ương đến cơ sở; huy động sự tham gia của toàn xã hội. Gắn kết chặt chẽ việc triển khai Kết luận số 213-KL/TW với việc triển khai các Nghị quyết, Kết luận khác có liên quan như Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIV, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội,...

c) Xây dựng kế hoạch cụ thể, phân công rõ nhiệm vụ, thời gian thực hiện, cơ chế phối hợp, kiểm tra, giám sát và ưu tiên bảo đảm nguồn lực để triển khai thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp, dự án cấp bách, dự án đầu tư công trung hạn trong Kế hoạch.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và đổi mới quản lý nhà nước về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai

a) Các cấp ủy, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội từ Trung ương đến địa phương, người đứng đầu các Bộ, cơ quan, địa phương lãnh đạo chỉ đạo, quán triệt sâu sắc, đầy đủ các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Kết luận số 213-KL/TW và Chỉ thị số 42-CT/TW, nhất là nội dung chủ động thích ứng với biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan, tôn trọng quy luật tự nhiên, bảo đảm phát triển bền vững. Gắn yêu cầu phòng, chống thiên tai, bảo tồn tự nhiên với việc hạch toán đầu tư các dự án, công trình, đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền và cơ quan, đơn vị. Đẩy mạnh thực hiện phân cấp, phân quyền trong phòng, chống thiên tai bảo đảm rõ người, rõ việc, rõ tiến độ, rõ thẩm quyền, rõ trách nhiệm và rõ kết quả. Thực hiện lồng ghép nội dung yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; quy hoạch, kế hoạch phát triển của từng ngành.

b) Công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai phải bảo đảm thực hiện đúng chủ trương của Đảng và chính sách, pháp luật của Nhà nước. Tăng cường hiệu lực và hiệu quả quản lý nhà nước, từng bước hoàn thiện tổ chức, nâng cao trách nhiệm của các tổ chức, cá nhân đối với công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Nâng cao nhận thức, phổ biến kinh nghiệm trong phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai, nhất là ở cấp cơ sở.

2. Hoàn thiện thể chế, chính sách, các quy định của pháp luật về công tác phòng, chống thiên tai

a) Rà soát, thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng thành văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai, các văn bản pháp luật chuyên ngành khác có liên quan.

b) Rà soát xây dựng, điều chỉnh các quy hoạch ngành, quy hoạch có tính chất chuyên ngành, phải đặt yêu cầu phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai ở vị trí quan trọng, hạn chế tối đa việc gia tăng rủi ro thiên tai, nhất là ở các vùng có nguy cơ cao như ven biển, vùng trũng thấp, vùng ven sông, suối có nguy cơ sạt lở, lũ quét, các khu vực có đông dân cư.

c) Bổ sung, điều chỉnh chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai phù hợp với thực tiễn của từng vùng, từng địa phương, đặc biệt là duy trì hoạt động thường xuyên, liên tục của các cơ sở tránh trú, bệnh viện, trường học, hạ tầng giao thông, điện, thông tin liên lạc... khi xảy ra thiên tai.

d) Rà soát, điều chỉnh, hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, chỉ tiêu thiết kế đối với hệ thống cơ sở hạ tầng, nhất là đê điều, hồ đập, công trình thoát lũ, hạ tầng năng lượng, thông tin liên lạc... bảo đảm đủ năng lực chống chịu với các thiên tai cực đoan.

đ) Sửa đổi, bổ sung quy hoạch hệ thống kho tàng dự trữ quốc gia do bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia đảm bảo phù hợp với quy hoạch tổng thể kho đã được phê duyệt hoặc điều chỉnh, bổ sung quy hoạch, đầu tư xây dựng hệ thống kho tàng dự trữ quốc gia, bảo đảm tập trung đồng bộ, liên hoàn, an toàn đáp ứng công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; rà soát, xây dựng danh mục hàng dự trữ quốc gia, danh mục hàng dự trữ chiến lược đáp ứng kịp thời mục tiêu dự trữ quốc gia, nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai vào kế hoạch dự trữ quốc gia hàng năm.

e) Hoàn thiện các quy định về xử lý, giải quyết trong tình huống khẩn cấp.

g) Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và khuyến khích, hỗ trợ phát triển các quỹ, định chế tài chính, tín dụng tham gia hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai.

h) Điều chỉnh quy trình vận hành liên hồ, đơn hồ chứa thủy điện, thủy lợi, trong đó phải ưu tiên dành dung tích hữu ích của hồ để cắt lũ cho hạ du.

i) Lồng ghép nội dung, yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quy hoạch, đầu tư xây dựng đô thị, khu dân cư, công trình hạ tầng; tăng cường bảo vệ và có biện pháp giải phóng không gian, hành lang thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông, bảo đảm khả năng tiêu, thoát lũ.

3. Phân công, phân cấp và nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai

a) Củng cố, kiện toàn cơ quan chỉ đạo điều hành, tham mưu về phòng, chống thiên tai các cấp, bảo đảm thống nhất, hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở bảo đảm sự thống nhất giữa cơ quan tham mưu về phòng, chống thiên tai với cơ quan tham mưu về phòng thủ dân sự; tránh chồng chéo chức năng, nhiệm vụ, bảo đảm một đầu mối tham mưu chỉ đạo, điều hành trong tình huống khẩn cấp.

b) Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng thống nhất, tinh gọn, rõ thẩm quyền, trách nhiệm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực chỉ đạo, điều hành, điều phối liên ngành trong công tác phòng, chống thiên tai.

c) Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, các bộ, cơ quan trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã, các cơ quan liên ngành.

d) Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai ở cơ sở; bảo đảm khả năng xử lý kịp thời, linh hoạt các tình huống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”.

đ) Đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên sâu cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai, cứu nạn, cứu hộ chuyên trách và các lực lượng tại chỗ ở địa phương.

e) Xây dựng và diễn tập các kịch bản phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

g) Triển khai Đề án phát triển nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.

4. Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo, theo dõi, giám sát thiên tai, giảm thiểu thiệt hại

a) Rà soát, ban hành các chính sách thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo, theo dõi, giám sát thiên tai, giảm thiểu thiệt hại.

b) Tăng cường đầu tư nghiên cứu cơ bản về các loại hình thiên tai, xây dựng cơ sở khoa học và các mô hình dự báo tiên tiến.

c) Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát đa tầng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám, ảnh vệ tinh, máy bay không người lái (UAV), mô hình trí tuệ nhân tạo (AI) và khoa học máy tính phân tích dữ liệu lớn trong dự báo, cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai.

d) Xây dựng, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thiên tai và biến đổi khí hậu, quản lý thiên tai trên môi trường số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý rủi ro thiên tai. Phát huy hiệu quả của các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành để triển khai ứng cứu kịp thời và hỗ trợ khẩn cấp; các nguồn lực hỗ trợ được chuyển đến tay người dân chịu hậu quả thiên tai một cách nhanh nhất, chính xác nhất, giảm thiểu tối đa các thủ tục hành chính trong điều kiện cấp bách, đảm bảo an ninh đa tầng đối với Nhân dân.

đ) Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo, bồi dưỡng thu hút đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia nghiên cứu, thực hiện, tư vấn về phòng, chống thiên tai.

e) Khuyến khích doanh nghiệp, cơ quan nghiên cứu đầu tư phát triển khoa học, công nghệ; phát huy vai trò nòng cốt của các doanh nghiệp quốc phòng, an ninh trong việc đầu tư, phát triển hạ tầng số lưỡng dụng; thúc đẩy hợp tác công - tư trong lĩnh vực phòng, chống thiên tai nhằm nâng cao hiệu quả, tính bền vững và khả năng thích ứng, nhất là xây dựng mạng lưới viễn thông dùng riêng chuyên dùng, bảo đảm hạ tầng thông tin liên lạc là huyết mạch không thể đứt gãy trong mọi tình huống thiên tai, quốc phòng, an ninh.

5. Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai

a) Rà soát, đa dạng hóa các nguồn lực, ưu tiên nguồn lực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và nguồn dự phòng ngân sách hằng năm để tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, chương trình tổng thể, dự án trọng điểm về phòng, chống thiên tai; đề xuất các giải pháp đồng bộ, đa mục tiêu theo hướng hiện đại, thông minh, đủ khả năng chống chịu trước thiên tai, trong đó chú trọng ưu tiên nguồn lực vào các dự án đầu tư công trọng điểm:

- Dự án bố trí, sắp xếp dân cư vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, trọng tâm là dân cư sinh sống ở các vùng sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, ven biển.

- Dự án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai, trọng tâm là hệ thống đê sông, đê biển, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, các hồ chứa nước nhằm bảo đảm an toàn chống lũ, bão thiết kế, phân đấu chống được lũ, bão lịch sử và cao hơn. Đẩy mạnh đầu tư dự án lấn biển kết hợp phòng, chống thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội tại một số địa phương.

- Dự án phòng, chống ngập lụt đối với một số khu vực đô thị lớn thường xuyên bị ngập lụt.

b) Đầu tư trang thiết bị, phương tiện chuyên dụng, lưỡng dụng, hiện đại, mua sắm bổ sung vật chất hậu cần dự trữ cho nhiệm vụ đột xuất, vật tư thiết yếu về y tế, dân sinh phù hợp với yêu cầu công tác cứu hộ, cứu nạn trong từng tình huống thiên tai.

6. Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, kỹ năng về công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai

a) Đổi mới, đa dạng hóa về nội dung, hình thức và phối hợp với Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội trong công tác tuyên truyền, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số và các nền tảng mạng xã hội, vận động, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, cán bộ, đảng viên, hướng đến thay đổi nhận thức, hành vi trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai. Chú trọng nâng cao kiến thức, năng lực, kỹ năng tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, tổ chức việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai cho cán bộ, đảng viên nhất là ở các thôn bản vùng sâu, vùng xa, vùng thường xuyên chịu tác động của thiên tai.

b) Tập huấn tăng cường kỹ năng nhận diện, đánh giá và cảnh báo sớm rủi ro thiên tai; hướng dẫn cộng đồng các quy trình, biện pháp ứng phó trong tình huống khẩn cấp, sơ tán an toàn, bảo vệ tính mạng và tài sản, bảo đảm an ninh, trật tự; nâng cao khả năng phối hợp, tự quản và chủ động ứng phó của cộng đồng, góp phần giảm thiểu thiệt hại do thiên tai gây ra.

7. Đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập và tăng cường hợp tác quốc tế

a) Đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập và tăng cường hợp tác quốc tế, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong các phân tích, dự báo xu hướng biến đổi khí hậu, thời tiết, dự báo thiên tai và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

b) Chủ động tăng cường hợp tác với các nước trong khu vực và quốc tế, trao đổi kinh nghiệm, huấn luyện, đào tạo, diễn tập, từng bước nâng cao khả năng ứng phó với các sự cố, thiên tai, thảm họa và tìm kiếm cứu nạn, chia sẻ thông tin dữ liệu về thời tiết, công tác vận hành xả lũ.

8. Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai

a) Tăng cường thanh tra, kiểm tra việc tổ chức thực hiện chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai; kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, bất cập trong quá trình triển khai.

b) Nâng cao hiệu quả giám sát việc xây dựng và thực hiện kế hoạch, phương án phòng, chống thiên tai; việc quản lý, vận hành công trình phòng, chống thiên tai, bảo đảm an toàn cho Nhân dân.

c) Gắn công tác kiểm tra, giám sát với trách nhiệm của các bộ, cơ quan, địa phương và người đứng đầu trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố:

a) Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Kết luận số 213-KL/TW, Kế hoạch của Chính phủ, các bộ, cơ quan, địa phương có trách nhiệm xây dựng, ban hành Kế hoạch chi tiết, báo cáo Chính phủ trong quý II năm 2026, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổng hợp, báo cáo theo quy định. Trên cơ sở Kế hoạch của Chính phủ và Kế hoạch của từng bộ, cơ quan, địa phương cụ thể hóa thành các nhiệm vụ trong kế hoạch công tác hằng năm. Đối với những nhiệm vụ đã rõ, đã có văn bản chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, không cần phải xây dựng thêm đề án, dự án, ... các bộ, cơ quan, địa phương tổ chức triển khai ngay, bảo đảm thực hiện kịp thời, hiệu quả.

b) Tập trung chỉ đạo thực hiện quyết liệt, đồng bộ, hiệu quả Kết luận số 213-KL/TW, Kế hoạch của Chính phủ và Kế hoạch của bộ, cơ quan, địa phương hoàn thành các nhiệm vụ được giao.

c) Tăng cường kiểm tra, đôn đốc, giám sát việc triển khai thực hiện Kế hoạch của Chính phủ và Kế hoạch của từng bộ, cơ quan, địa phương; định kỳ hằng năm đánh giá tình hình, kết quả thực hiện, báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trước ngày 30 tháng 11 hằng năm, đồng thời gửi Bộ Nông nghiệp và Môi trường để theo dõi, tổng hợp và báo cáo theo quy định.

2. Bộ Nông nghiệp và Môi trường chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương theo dõi, đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này, định kỳ hằng năm báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và đề xuất các biện pháp cần thiết để bảo đảm thực hiện đồng bộ và có hiệu quả.

3. Chính phủ trân trọng đề nghị Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Ban Chính sách, Chiến lược Trung ương, Văn phòng Trung ương Đảng, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội phối hợp trong quá trình triển khai thực hiện.

4. Bộ Tài chính phối hợp với các bộ, cơ quan, địa phương tổng hợp, trình cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách trung ương giai đoạn 05 năm và hằng năm, kinh phí chi thường xuyên hằng năm để thực hiện các nhiệm vụ của Kế hoạch này theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và quy định của pháp luật khác có liên quan.

5. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chủ động bố trí ngân sách địa phương và các nguồn tài chính hợp pháp khác để triển khai thực hiện nhiệm vụ tại Kế hoạch do cơ quan địa phương thực hiện.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, các Vụ: TH, NN, KGVX, Công báo;
- Lưu: VT, NN (2) NXT. 56

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**





Phụ lục
TRỌNG TÂM THỰC HIỆN KẾT LUẬN SỐ 213-KL/TW
(Kèm theo Nghị quyết số 116/NQ-CP
ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian
I	Hoàn thiện thể chế, chính sách, các quy định của pháp luật về công tác phòng, chống thiên tai			
1	Rà soát, thể chế hóa các chủ trương, định hướng của Đảng thành văn bản pháp luật, cơ chế, chính sách về phòng, chống thiên tai, các văn bản pháp luật.	Bộ NN&MT, Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan, địa phương	Năm 2026 - 2027
2	Rà soát xây dựng, điều chỉnh các quy hoạch ngành, quy hoạch có tính chất chuyên ngành.	Các bộ, UBND các tỉnh, thành phố	Các bộ, cơ quan, địa phương	Năm 2026 - 2027
3	Bổ sung, điều chỉnh chiến lược, kế hoạch, phương án phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.	Bộ NN&MT	Các bộ, cơ quan, địa phương	Năm 2026 - 2027
4	Hoàn thiện hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, chỉ tiêu thiết kế đối với hệ thống cơ sở hạ tầng bảo đảm đủ năng lực chống chịu với các thiên tai cực đoan.			
-	Công trình đề điều, hồ đập, công trình thoát lũ.	Bộ NN&MT	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan	Năm 2026 và các năm tiếp theo
-	Công trình giao thông.	Bộ Xây dựng		
-	Công trình hạ tầng năng lượng.	Bộ Công Thương		
-	Công trình thông tin liên lạc.	Bộ Khoa học và Công nghệ		
5	Sửa đổi, bổ sung quy hoạch hệ thống kho tàng, các quy định về danh mục, xuất, cấp hàng dự trữ quốc gia đáp ứng kịp thời khắc phục hậu quả thiên tai; rà soát, xây dựng danh mục hàng dự trữ quốc gia, danh mục hàng dự trữ chiến lược đáp ứng kịp thời mục tiêu dự trữ quốc gia, nhiệm vụ phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai vào kế hoạch dự trữ quốc gia hàng năm.	Bộ Tài chính	Bộ Quốc phòng, các bộ, cơ quan	Giai đoạn 2026 - 2030

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian
6	Hoàn thiện các quy định về xử lý, giải quyết trong tình huống khẩn cấp.	Bộ NN&MT	Bộ Tư pháp, các bộ, cơ quan	Năm 2026 và các năm tiếp theo
7	Điều chỉnh các quy trình vận hành liên hồ, đơn hồ chứa thủy điện, thủy lợi, trong đó phải ưu tiên dành dung tích hữu ích của hồ để cất lũ cho hạ du.	Bộ NN&MT, Bộ Công Thương, các địa phương	Các bộ, cơ quan	Năm 2026
8	Xây dựng cơ chế huy động nguồn lực của các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân và khuyến khích, hỗ trợ phát triển các quỹ, định chế tài chính, tín dụng tham gia hiệu quả công tác phòng, chống thiên tai.	Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước Việt Nam	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030
9	Lồng ghép nội dung yêu cầu phòng, chống thiên tai trong quy hoạch, đầu tư xây dựng đô thị, khu dân cư, công trình hạ tầng.	Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030
10	Tăng cường bảo vệ và có biện pháp giải phóng không gian, hành lang thoát lũ trên các lưu vực sông, lòng sông, bảo đảm khả năng tiêu, thoát lũ.	Bộ NN&MT	Các bộ, cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030
II	Phân công, phân cấp và nâng cao năng lực cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai			
1	Củng cố, kiện toàn cơ quan chỉ đạo điều hành, tham mưu về phòng thủ dân sự các cấp, bảo đảm thống nhất, hiệu quả từ Trung ương đến cơ sở.	Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự quốc gia	Ban Chỉ huy PTDS các cấp	Hàng năm
2	Rà soát, sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy theo hướng thống nhất, tinh gọn, rõ thẩm quyền, trách nhiệm nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước và năng lực chỉ đạo, điều hành, điều phối liên ngành trong công tác phòng, chống thiên tai.	Bộ NN&MT	Các bộ, cơ quan, địa phương	Năm 2026 - 2027
3	Phân định rõ thẩm quyền, trách nhiệm của Chính phủ, các Bộ, cơ quan Trung ương và chính quyền địa phương cấp tỉnh, cấp xã, các cơ quan liên ngành.	Bộ Quốc phòng, Bộ NN&MT	Bộ Tư pháp, Bộ Nội vụ, các địa phương	Năm 2026 - 2027

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian
4	Củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động của lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai ở cơ sở; bảo đảm khả năng xử lý kịp thời, linh hoạt các tình huống thiên tai theo phương châm “4 tại chỗ”.	UBND các tỉnh/thành phố	Các bộ, cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030
5	Đào tạo, bồi dưỡng, huấn luyện chuyên sâu cho lực lượng làm công tác phòng, chống thiên tai, cứu hộ, cứu nạn chuyên trách, kiêm nhiệm (Bộ đội, Dân quân tự vệ, Công an, lực lượng tham gia bảo vệ an ninh, trật tự ở cơ sở và lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai) tại các xã, phường, đặc khu.	Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, Bộ NN&MT, Bộ Xây dựng	Các bộ, cơ quan, địa phương	Hàng năm
6	Xây dựng và diễn tập các kịch bản phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai	Các bộ, cơ quan, địa phương		Hàng năm
7	Triển khai Đề án phát triển nâng cao năng lực ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn đến năm 2030, định hướng đến năm 2045.	Bộ Quốc phòng	Các bộ, cơ quan, địa phương	Giai đoạn 2026 - 2030
III	Nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo, theo dõi, giám sát thiên tai, giảm thiểu thiệt hại			
1	Nghiên cứu, ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để thích ứng, phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai.	Bộ NN&MT, Bộ Khoa học và Công nghệ		Năm 2026 và các năm tiếp theo
2	Rà soát, ban hành các chính sách thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học - công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số nhằm nâng cao năng lực cảnh báo, dự báo, theo dõi, giám sát thiên tai, giảm thiểu thiệt hại.	Bộ Khoa học và Công nghệ		Năm 2026 - 2027
3	Tăng cường đầu tư nghiên cứu cơ bản về các loại hình thiên tai, xây dựng cơ sở khoa học và các mô hình dự báo tiên tiến.	Bộ NN&MT, Bộ Khoa học và Công nghệ		Năm 2026 và các năm tiếp theo
4	Hiện đại hóa hệ thống quan trắc, giám sát đa tầng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ viễn thám, ảnh vệ tinh, máy bay không người lái	Bộ NN&MT	Bộ Khoa học và Công nghệ, các bộ, cơ quan	Giai đoạn 2026 - 2030

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian
	(UAV), mô hình trí tuệ nhân tạo (AI) và khoa học máy tính phân tích dữ liệu lớn trong dự báo, cảnh báo, theo dõi, giám sát thiên tai; Xây dựng, vận hành hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về thiên tai và biến đổi khí hậu, quản lý thiên tai trên môi trường số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo trong quản lý rủi ro thiên tai.			
5	Cập nhật bản đồ rủi ro thiên tai phục vụ công tác chỉ đạo, chỉ huy trong phòng, chống thiên tai.	Bộ NN&MT	Bộ Khoa học và Công nghệ; các bộ, cơ quan	Năm 2026 và các năm tiếp theo
6	Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đào tạo, bồi dưỡng thu hút đội ngũ cán bộ nghiên cứu khoa học, các chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài nước tham gia nghiên cứu, thực hiện, tư vấn về phòng, chống thiên tai.			
	Thực hiện đặt hàng, giao nhiệm vụ đối với nguồn nhân lực chất lượng cao tại các cơ sở giáo dục đại học theo nhu cầu các bộ, ngành và địa phương.	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Các bộ, cơ quan, địa phương	Năm 2026 và các năm tiếp theo
IV	Huy động và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai			
1	Tổng hợp, báo cáo cấp có thẩm quyền cân đối, bố trí vốn đầu tư công trung hạn và hằng năm; kinh phí chi sự nghiệp từ ngân sách trung ương hằng năm để thực hiện nhiệm vụ về phòng, chống thiên tai theo quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.	Bộ Tài chính	Bộ NN&MT, các bộ, cơ quan, địa phương	Năm 2026 và các năm tiếp theo
2	Ưu tiên bố trí vốn để tập trung khắc phục, xử lý khẩn cấp triệt để các sự cố đê điều, hồ chứa nước xung yếu, hạ tầng giao thông, hệ thống lưới điện, thông tin liên lạc, y tế, giáo dục... và các dự án về phòng, chống thiên tai nhất là các dự án có tính chất liên vùng, liên xã, phục vụ đa mục tiêu.	Các Bộ: NN&MT, Xây dựng, Công thương, Y tế, Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, các bộ, cơ quan, địa phương	Năm 2026 và các năm tiếp theo

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian
3	<p>Rà soát, ưu tiên nguồn lực trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026 - 2030 và nguồn dự phòng ngân sách hằng năm để tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình tổng thể, dự án trọng điểm về phòng, chống thiên tai; ưu tiên nguồn lực cho các dự án đầu tư công trọng điểm: (i) Dự án bố trí, sắp xếp dân cư vùng thường xuyên bị ảnh hưởng thiên tai, trọng tâm là dân cư sinh sống ở các vùng sạt lở đất, lũ quét, sạt lở bờ sông, bờ biển, ven biển. (ii) Dự án đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng phòng, chống thiên tai, trọng tâm là hệ thống đê sông, đê biển, phòng, chống sạt lở bờ sông, bờ biển, các hồ chứa nước nhằm bảo đảm an toàn chống lũ, bảo thiết kế, phân đầu chống đước lũ, bảo lịch sử và cao hơn. Đẩy mạnh đầu tư dự án lấn biển kết hợp phòng, chống thiên tai và phát triển kinh tế - xã hội tại một số địa phương. (iii) Dự án phòng, chống ngập lụt đối với một số khu vực đô thị lớn thường xuyên bị ngập lụt.</p>	<p>Bộ Tài chính, Bộ NN&MT, UBND các tỉnh, thành phố</p>	<p>Các bộ, cơ quan</p>	<p>Giai đoạn 2026 - 2030</p>
	<p>Các bộ, cơ quan, địa phương trong đó mô tả các hoạt động của dự án, sản phẩm, kết quả của dự án, cơ quan thực hiện và thời gian thực hiện (chi tiết trong Kế hoạch của cơ quan, đơn vị).</p>			
4	<p>Đầu tư trang thiết bị, phương tiện chuyên dụng, lưỡng dụng, hiện đại, mua sắm bổ sung vật chất hậu cần dự trữ cho nhiệm vụ đột xuất, vật tư thiết yếu về y tế, dân sinh phù hợp với yêu cầu công tác cứu hộ, cứu nạn trong từng tình huống thiên tai.</p>	<p>Bộ Quốc phòng</p>	<p>Các bộ, cơ quan, địa phương</p>	<p>Giai đoạn 2026 - 2030</p>
V	<p>Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức, kỹ năng về công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai</p>			
1	<p>Đổi mới, đa dạng hóa trong công tác tuyên truyền, ứng dụng mạnh mẽ chuyển đổi số và các nền tảng mạng xã hội, vận động, giáo dục, nâng cao nhận thức, trách nhiệm trong công tác phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.</p>	<p>Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, các Bộ, cơ quan, UBND các tỉnh, thành phố</p>		<p>Thường xuyên, hằng năm</p>

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì thực hiện	Cơ quan phối hợp	Thời gian
2	Tập huấn, tuyên truyền, hướng dẫn, phổ biến pháp luật, cơ chế chính sách, kỹ năng về phòng, chống thiên tai và liên quan đến phòng, chống thiên tai.	Các Bộ, cơ quan, UBND các tỉnh, thành phố		Thường xuyên, hằng năm
3	Đẩy mạnh thông tin, truyền thông; triển khai cơ chế chia sẻ, trao đổi thông tin, dữ liệu về hoạt động phòng, chống thiên tai giữa các Bộ, cơ quan, địa phương và các cơ quan có liên quan.	Các Bộ, cơ quan UBND các tỉnh, thành phố		Thường xuyên, hằng năm
4	Nâng cao kiến thức, năng lực, kỹ năng tuyên truyền, vận động, hướng dẫn, tổ chức việc phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai cho cán bộ, đảng viên, nhất là ở các thôn, bản, vùng sâu, vùng xa; kỹ năng nhận biết các tình huống khẩn cấp và các biện pháp phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai cho người dân.	Bộ NN&MT, UBND các tỉnh, thành phố	Bộ Giáo dục và Đào tạo, các bộ, cơ quan	Thường xuyên, hằng năm
VI	Đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập và tăng cường hợp tác quốc tế			
1	Đẩy mạnh đối ngoại, hội nhập và tăng cường hợp tác quốc tế, chia sẻ thông tin, kinh nghiệm trong các phân tích, dự báo xu hướng biến đổi khí hậu, thời tiết, dự báo thiên tai và phòng ngừa, ứng phó, khắc phục hậu quả thiên tai.	Bộ NN&MT, Bộ Ngoại giao	Các bộ, cơ quan, địa phương	Hằng năm
2	Tham gia các sáng kiến, cam kết quốc tế về phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu theo hướng linh hoạt, phù hợp với điều kiện thực tế của đất nước.	Bộ NN&MT, Bộ Ngoại giao	Các bộ, cơ quan, địa phương	Hằng năm

TTĐT (2)

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 21/2026/NQ-CP

Hà Nội, ngày 29 tháng 4 năm 2026

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ

ĐẾN Giờ: C
Ngày: 04/5/2026

NGHỊ QUYẾT

Cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ số 63/2025/QH15;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Y tế;

Chính phủ ban hành Nghị quyết quy định cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính trong lĩnh vực y tế thuộc thẩm quyền của Chính phủ.

Điều 2. Phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực y tế

1. Phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính về an toàn thực phẩm:

a) Việc cấp giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với thực phẩm bảo vệ sức khỏe được quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị quyết này.

2. Phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính về phòng bệnh:

a) Việc đề nghị nhập khẩu mẫu bệnh phẩm được quy định tại Điều 36 Nghị định số 89/2018/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật

Phòng, chống bệnh truyền nhiễm về kiểm dịch y tế biên giới được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị quyết này.

3. Phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính về cấp giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh:

a) Việc cấp mới, cấp lại, gia hạn, điều chỉnh, đình chỉ, thu hồi giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh (bao gồm cả chứng chỉ hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đã được cấp theo quy định tại Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12, sau đây gọi tắt là giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh cho các đối tượng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 28 Luật Khám bệnh, chữa bệnh và khoản 8 Điều 143 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh) được quy định tại khoản 6 Điều 14, khoản 15 Điều 16, khoản 2 Điều 18, khoản 3 Điều 20, khoản 7 Điều 22, khoản 9 Điều 24, khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 130, khoản 18 Điều 132, khoản 2 Điều 134, khoản 4 Điều 136 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Nghị quyết này.

4. Phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính về cấp giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh:

a) Thẩm quyền cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm cho bệnh viện tư nhân được quy định tại Điều 63 và Điều 65 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Hồ sơ, thủ tục thực hiện theo quy định tại Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Điều 3. Cắt giảm, đơn giản hóa các điều kiện kinh doanh thuộc lĩnh vực y tế

1. Không quy định điều kiện kinh doanh liên quan đến an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm quy định tại các điều 5, 6 và 7 Nghị định số 103/2016/NĐ-CP quy định về bảo đảm an toàn sinh học tại phòng xét nghiệm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

2. Không quy định điều kiện kinh doanh liên quan đến dịch vụ tiêm chủng quy định tại Điều 9 và Điều 10 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP quy định về hoạt động tiêm chủng được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP.

3. Không quy định điều kiện kinh doanh liên quan đến tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe quy định tại Điều 8, Điều 9, khoản 2 Điều 10 và Điều 11 Nghị định số 111/2017/NĐ-CP quy định về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe và Điều 140 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

4. Không quy định điều kiện kinh doanh liên quan đến cung cấp dịch vụ điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế quy định tại Điều 16 và Điều 17 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP quy định chi tiết một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

5. Không quy định điều kiện kinh doanh liên quan đến cung cấp dịch vụ tư vấn, xét nghiệm HIV quy định tại khoản 2 Điều 38, Điều 39, Điều 40 và Điều 41 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP và khoản 1, 2 Điều 5 Nghị định số 63/2021/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng, chống nhiễm vi rút gây ra hội chứng suy giảm miễn dịch mắc phải ở người (HIV/AIDS).

6. Không quy định điều kiện kinh doanh liên quan đến cung cấp dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Điều 5; khoản 1 và khoản 2 Điều 6; khoản 4 Điều 7; Điều 8; khoản 1, điểm a, b khoản 2, điểm a, đ, e khoản 4, các khoản 5, 6, 7, 8, 9, 10 và 11 Điều 40; điểm a, b khoản 2, khoản 3, tiết 7 điểm b khoản 4 Điều 41; điểm b khoản 1 Điều 42; khoản 1 Điều 43; khoản 1 và khoản 2 Điều 44; các khoản 1, 2 và 3 Điều 45; điểm d khoản 2 Điều 46; khoản 3 Điều 47; khoản 1 Điều 48; khoản 1 và khoản 3 Điều 49; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 50, khoản 3 Điều 51; khoản 5 Điều 53; khoản 2 Điều 55; Điều 127; Điều 128; Điều 129; Điều 131; Điều 133; Điều 135 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

Điều 4. Cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực y tế

1. Không thực hiện các thủ tục hành chính sau đây:

a) Thủ tục đăng ký bản công bố sản phẩm đối với phụ gia thực phẩm hỗn hợp có công dụng mới, phụ gia thực phẩm không thuộc trong danh mục phụ gia được phép sử dụng trong thực phẩm hoặc không đúng đối tượng sử dụng do Bộ Y tế quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP;

b) Thủ tục cấp mới, cấp lại, tự công bố và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học được quy định tại các điều 11, 12, 13 và 14 Nghị định số 103/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP;

c) Thủ tục công bố đủ điều kiện thực hiện dịch vụ tiêm chủng được quy định tại Điều 11 Nghị định số 104/2016/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 155/2018/NĐ-CP;

d) Thủ tục công bố đủ điều kiện điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc thay thế được quy định tại các điều 19, 20, 21 và 22 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP;

đ) Thủ tục cấp mới, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi giấy chứng nhận đủ điều kiện xét nghiệm khẳng định HIV dương tính hoặc quyết định chỉ định, quyết định điều chỉnh, thu hồi quyết định chỉ định cơ sở xét nghiệm khẳng định HIV dương tính tham chiếu và đình chỉ hoạt động xét nghiệm khẳng định HIV dương tính hoặc xét nghiệm khẳng định HIV dương tính tham chiếu được quy định tại các điều 42, 43, 44, 45; điểm b khoản 1, điểm b khoản 7, khoản 8 Điều 46 và Điều 47 Nghị định số 141/2024/NĐ-CP;

e) Thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở giáo dục đủ điều kiện kiểm tra và công nhận biết tiếng Việt thành thạo hoặc sử dụng thành thạo ngôn ngữ khác hoặc đủ trình độ phiên dịch trong khám bệnh, chữa bệnh được quy định tại Điều 141 và Điều 142 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

2. Đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh:

a) Cắt giảm thời gian thực hiện đối với thủ tục công bố cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đáp ứng yêu cầu là cơ sở hướng dẫn thực hành được quy định tại khoản 3 mục B Phần 11 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 148/2025/NĐ-CP quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực y tế như sau:

“3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố quy định tại khoản 3 Điều 6 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm đăng tải thông tin của cơ sở hướng dẫn thực hành trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan và trên hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

Trường hợp chưa đáp ứng yêu cầu thì cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh và nêu rõ lý do.

Thông tin đăng tải tối thiểu gồm: tên, địa chỉ cơ sở hướng dẫn thực hành, phạm vi hướng dẫn thực hành (nếu có liên kết trong hướng dẫn thực hành phải đăng tải cả nội dung và tên của cơ sở liên kết hướng dẫn thực hành), chi phí hướng dẫn thực hành.

Trường hợp sau thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ công bố mà cơ quan tiếp nhận hồ sơ không có văn bản gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh về việc chưa đủ điều kiện là cơ sở hướng dẫn thực hành hoặc không thực hiện việc đăng tải thông tin theo quy định tại khoản 4 Điều 6 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP, cơ sở hướng dẫn thực hành được bắt đầu tổ chức hoạt động hướng dẫn thực hành”;

b) Cắt giảm thời gian thực hiện đối với thủ tục đề nghị xem xét thừa nhận giấy phép hành nghề do cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của nước ngoài cấp

được quy định tại điểm b và điểm c khoản 3 Điều 37 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP như sau:

“b) Đối với trường hợp người đề nghị xem xét thừa nhận giấy phép hành nghề có giấy phép hành nghề được cấp bởi cơ quan, tổ chức cấp phép hành nghề của nước ngoài đã được đánh giá để thừa nhận:

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị, Bộ Y tế phải có văn bản trả lời về việc thừa nhận hoặc không thừa nhận giấy phép hành nghề;

- Trường hợp cần xác minh đối với việc đào tạo ở nước ngoài của người hành nghề thì thời hạn thừa nhận là 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

c) Đối với trường hợp người đề nghị xem xét thừa nhận giấy phép hành nghề có giấy phép hành nghề được cấp bởi cơ quan, tổ chức cấp phép hành nghề của nước ngoài chưa được đánh giá để thừa nhận:

- Bộ Y tế thực hiện việc đánh giá để thừa nhận theo quy định tại Điều 38 Nghị định này;

- Trong thời hạn 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả đánh giá để thừa nhận, Bộ Y tế phải có văn bản trả lời về việc thừa nhận hoặc không thừa nhận giấy phép hành nghề;

- Trường hợp cần xác minh đối với việc đào tạo ở nước ngoài của người hành nghề thì thời hạn thừa nhận là 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.”;

c) Cắt giảm thời gian thực hiện đối với thủ tục cấp mới giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh quy định tại Điều 61 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP như sau:

“1. Nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp mới và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động (sau đây viết tắt là cơ quan cấp giấy phép hoạt động).

2. Sau khi tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ cấp cho cơ sở đề nghị phiếu tiếp nhận hồ sơ theo Mẫu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ:

a) Cơ quan cấp giấy phép hoạt động tổ chức thẩm định điều kiện hoạt động và danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ;

b) Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải cấp mới giấy phép hoạt động và ban hành quyết định phê duyệt danh mục kỹ thuật thực hiện tại cơ sở trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định;

c) Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung phải nêu rõ trong nội dung của biên bản thẩm định.

Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị, cơ quan cấp giấy phép hoạt động có thể tiến hành kiểm tra thực tế việc khắc phục, sửa chữa của cơ sở đề nghị trong trường hợp cần thiết hoặc thực hiện việc cấp giấy phép hoạt động. Trường hợp không cấp giấy phép hoạt động phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ:

a) Cơ quan cấp giấy phép hoạt động phải có văn bản gửi cơ sở đề nghị, trong đó phải nêu cụ thể các tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ.

b) Sau khi sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ sở đề nghị gửi văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung.

c) Sau khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp giấy phép hoạt động có trách nhiệm thực hiện trình tự theo quy định:

- Tại khoản 3 Điều này đối với trường hợp không còn có yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

- Tại điểm a, b khoản này đối với trường hợp cơ sở đã sửa đổi, bổ sung nhưng chưa đáp ứng yêu cầu.

5. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp giấy phép hoạt động, cơ quan cấp giấy phép hoạt động công bố trên cổng thông tin điện tử của mình và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh các thông tin sau: tên, địa chỉ cơ sở được cấp giấy phép hoạt động; họ, tên và số giấy phép hành nghề người chịu trách nhiệm chuyên môn kỹ thuật; số giấy phép hoạt động; phạm vi hoạt động chuyên môn và thời gian hoạt động chuyên môn.

6. Giấy phép hoạt động được lập thành 02 bản theo quy định tại Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản cấp cho cơ sở đề nghị và 01 bản lưu tại cơ quan cấp giấy phép hoạt động trừ trường hợp đã trả kết quả trên môi trường điện tử.

7. Trường hợp cơ sở được cấp giấy phép hoạt động theo hình thức tổ chức là bệnh viện thì khi cấp giấy phép hoạt động, cơ quan cấp giấy phép hoạt động ban hành văn bản tạm xếp bệnh viện đó vào cấp cơ bản. Thời gian tạm xếp cấp

là 02 năm kể từ ngày ghi trên văn bản tạm xếp cấp. Trong thời gian 60 ngày trước khi hết thời hạn tạm xếp cấp, bệnh viện phải nộp hồ sơ để thực hiện thủ tục xếp cấp chuyên môn kỹ thuật theo quy định tại Điều 90 Nghị định này.”;

d) Cắt giảm thời gian thực hiện đối với thủ tục cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật quy định tại Điều 66 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP như sau:

“1. Nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Nghị định này và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan cấp giấy phép hoạt động.

2. Sau khi nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động cấp phiếu tiếp nhận hồ sơ cho cơ sở đề nghị.

3. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động phải có văn bản gửi cơ sở đề nghị, trong đó phải nêu cụ thể các tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động có văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung, cơ sở đề nghị phải nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu. Sau thời hạn trên, cơ sở đề nghị không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đã nộp không còn giá trị.

4. Sau khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp giấy phép hoạt động trả cho cơ sở đề nghị phiếu tiếp nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung:

Trường hợp hồ sơ sửa đổi, bổ sung không đáp ứng yêu cầu, cơ quan cấp giấy phép hoạt động phải có văn bản thông báo cho cơ sở đề nghị theo quy định tại khoản 3 Điều này.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động có văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung, cơ sở đề nghị phải nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu.

Sau thời hạn trên, cơ sở đề nghị không sửa đổi, bổ sung hoặc sau 12 tháng, kể từ ngày nộp hồ sơ lần đầu mà hồ sơ bổ sung không đáp ứng yêu cầu thì hồ sơ đã nộp không còn giá trị.

5. Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ hoặc hồ sơ đã được hoàn thiện theo quy định tại khoản 3 và khoản 4 Điều này, cơ quan cấp giấy phép hoạt động:

a) Ban hành văn bản cho phép thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật trong thời hạn 15

ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ nếu thuộc trường hợp không phải tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở;

b) Cơ quan cấp giấy phép hoạt động tổ chức thẩm định tại cơ sở đề nghị và lập biên bản thẩm định trong thời hạn 40 ngày, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ đối với trường hợp phải tổ chức thẩm định thực tế tại cơ sở, biên bản thẩm định phải nêu rõ yêu cầu sửa đổi, bổ sung (nếu có).

6. Sau khi thẩm định thực tế tại cơ sở, cơ quan cấp giấy phép hoạt động có trách nhiệm:

a) Ban hành văn bản cho phép thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định đối với trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung;

b) Ban hành văn bản thông báo về các nội dung cần khắc phục, sửa chữa trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành biên bản thẩm định đối với trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động có văn bản thông báo về các nội dung cần sửa đổi, bổ sung mà cơ sở đề nghị không hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đã nộp không còn giá trị.

7. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản thông báo và tài liệu chứng minh đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung của cơ sở đề nghị, cơ quan cấp giấy phép hoạt động:

a) Ban hành văn bản cho phép thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật đối với trường hợp không cần kiểm tra thực tế việc sửa đổi, bổ sung của cơ sở đề nghị.

b) Tiến hành kiểm tra thực tế việc sửa đổi, bổ sung của cơ sở đề nghị trong trường hợp phải kiểm tra thực tế:

- Ban hành văn bản cho phép thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật đối với trường hợp cơ sở đề nghị đã hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung;

- Có văn bản trả lời và nêu rõ lý do không cho phép thay đổi quy mô hoạt động, phạm vi hoạt động chuyên môn hoặc bổ sung, giảm bớt danh mục kỹ thuật nếu cơ sở đề nghị chưa hoàn thành việc sửa đổi, bổ sung.

8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cho phép bổ sung danh mục kỹ thuật, cơ quan cấp giấy phép hoạt động công bố, cập nhật trên cổng thông tin điện tử hoặc trang tin điện tử của mình và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh các thông tin liên quan đến nội dung điều chỉnh.

9. Văn bản cho phép bổ sung danh mục kỹ thuật được lập thành 02 bản: 01 bản cấp cho cơ sở đề nghị và 01 bản lưu tại cơ quan cấp phép hoạt động trừ trường hợp đã trả kết quả trên môi trường điện tử.

10. Đối với trường hợp bổ sung các kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt:

a) Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Điều 64 Nghị định này gửi về Bộ Y tế để đề nghị xem xét khả năng thực hiện kỹ thuật thuộc danh mục kỹ thuật loại đặc biệt.

b) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ Bộ Y tế kiểm tra đánh giá mức độ, khả năng thực hiện các kỹ thuật loại đặc biệt này của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh để xác định phải thực hiện thí điểm hay không hoặc cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có đủ điều kiện thực hiện thí điểm hay không.

c) Trường hợp cần phải thực hiện thí điểm kỹ thuật loại đặc biệt cần thực hiện theo quy trình quy định tại Điều 97 Nghị định này.

d) Trường hợp cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đã kết thúc triển khai thí điểm kỹ thuật loại đặc biệt và đã có báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện thí điểm trong đó đề xuất việc triển khai chính thức kỹ thuật loại đặc biệt, cần phải thực hiện các nội dung sau:

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nộp 01 bộ hồ sơ trong đó có báo cáo kết quả áp dụng thí điểm kỹ thuật loại đặc biệt theo quy định tại điểm c khoản này và quy trình thực hiện kỹ thuật loại đặc biệt do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất;

- Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Bộ Y tế tổ chức thẩm định kết quả triển khai thí điểm và quy trình kỹ thuật do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đề xuất;

- Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có biên bản thẩm định kết quả triển khai thí điểm và quy trình kỹ thuật, Bộ Y tế quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được triển khai áp dụng chính thức kỹ thuật loại đặc biệt. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện thủ tục theo quy định từ khoản 1 đến khoản 9 Điều này để thực hiện bổ sung kỹ thuật loại đặc biệt đã được cho phép triển khai áp dụng chính thức vào phạm vi hoạt động chuyên môn.

đ) Trường hợp không cần phải thực hiện thí điểm kỹ thuật loại đặc biệt cần thực hiện các thủ tục sau:

- Trong thời gian 05 ngày làm việc Bộ Y tế có quyết định cho phép cơ sở khám bệnh, chữa bệnh được áp dụng chính thức kỹ thuật loại đặc biệt mà không cần phải thực hiện thí điểm. Trường hợp không đồng ý phải có văn bản trả lời và nêu rõ lý do;

- Cơ sở khám bệnh, chữa bệnh thực hiện thủ tục theo quy định từ khoản 1 đến khoản 9 Điều này để thực hiện bổ sung kỹ thuật loại đặc biệt đã được cho phép triển khai áp dụng chính thức vào phạm vi hoạt động chuyên môn.”.

Điều 5. Tổ chức thi hành

1. Bộ Y tế có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Nghị quyết này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

3. Hội đồng nhân dân, các ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp, trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tăng cường giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

4. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức tham gia xây dựng, ban hành Nghị quyết này được xem xét loại trừ, miễn hoặc giảm trách nhiệm theo quy định tại khoản 11 Điều 68 Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15.

Điều 6. Hiệu lực thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày 29 tháng 4 năm 2026 đến ngày 01 tháng 01 năm 2028, trừ trường hợp quy định tại các khoản 2 và 3 Điều này.

2. Quy định tại Điều 2 Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

3. Quy định tại Điều 3 và khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 01 tháng 7 năm 2027.

4. Trong thời gian Nghị quyết này có hiệu lực, nếu luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ có quy định về thủ tục hành chính liên quan đến quy định tại Nghị quyết này được thông qua hoặc ban hành thì các quy định tương ứng trong Nghị quyết này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

5. Đối với hồ sơ đề nghị giải quyết thủ tục hành chính thuộc các lĩnh vực được quy định tại các Điều 2, 3 và 4 Nghị quyết này và Phụ lục ban hành kèm theo đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hoặc đã được đóng dấu bưu chính trước ngày Nghị quyết này có hiệu lực thì thực hiện theo quy định của pháp luật đang có hiệu lực điều chỉnh trong lĩnh vực đó tại thời điểm hồ sơ được tiếp nhận.

6. Trong thời gian các quy định của Nghị quyết này có hiệu lực, nếu quy định về thủ tục hành chính, điều kiện kinh doanh trong Nghị quyết này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ thì thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các tổ chức chính trị - xã hội;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, CDS (2b). 66

**TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG**



Phạm Thị Thanh Trà



Phụ lục I

HỒ SƠ TRÌNH TỰ THỦ TỤC XÁC NHẬN NỘI DUNG QUẢNG CÁO ĐỐI VỚI THỰC PHẨM BẢO VỆ SỨC KHỎE

(Kèm theo Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)

1. Tổ chức, cá nhân có sản phẩm quảng cáo lập 01 bộ hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo và nộp trực tiếp hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ);

Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo theo Mẫu số 10 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm;

b) Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm và Bản công bố sản phẩm đã được cơ quan có thẩm quyền xác nhận hoặc Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy/Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm còn hiệu lực (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân);

c) Mẫu nhãn sản phẩm (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân);

d) Đối với quảng cáo trên báo nói, báo hình thì phải có kịch bản dự kiến quảng cáo và nội dung dự kiến quảng cáo ghi trong đĩa hình, đĩa âm thanh; đối với quảng cáo trên các phương tiện khác thì phải có ma kết (mẫu nội dung) dự kiến quảng cáo (bản có xác nhận của tổ chức, cá nhân);

đ) Đối với nội dung quảng cáo ngoài công dụng, tính năng của sản phẩm ghi trong bản công bố sản phẩm thì phải có tài liệu khoa học chứng minh (bản sao có xác nhận của tổ chức, cá nhân);

Các tài liệu trong hồ sơ đăng ký xác nhận nội dung quảng cáo phải được thể hiện bằng tiếng Việt; trường hợp có tài liệu bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch sang tiếng Việt và được công chứng.

2. Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm xem xét hồ sơ và trả kết quả theo Mẫu số 11 Phụ lục 1 ban hành kèm theo Nghị định 15/2018/NĐ-CP. Thời hạn này được tính từ ngày hồ sơ hoàn chỉnh được tiếp nhận trên hệ thống dịch vụ công trực tuyến.

Trong trường hợp không đồng ý với nội dung quảng cáo của tổ chức, cá nhân hoặc yêu cầu sửa đổi, bổ sung, cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải có văn bản nêu rõ lý do và căn cứ pháp lý của việc yêu cầu. Chỉ được yêu cầu sửa đổi, bổ sung 01 lần.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan tiếp nhận hồ sơ thẩm định hồ sơ và có văn bản trả lời. Sau 90 ngày làm việc kể từ khi có công văn yêu cầu sửa đổi, bổ sung nếu tổ chức, cá nhân không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ không còn giá trị.

4. Cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thông báo công khai tên, sản phẩm của tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy xác nhận nội dung quảng cáo sản phẩm thực phẩm trên trang thông tin điện tử (website) của mình và cơ sở dữ liệu về an toàn.



Phụ lục II
HỒ SƠ TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU
MẪU BỆNH PHẨM CÓ KHẢ NĂNG GÂY BỆNH TRUYỀN NHIỄM
CHO NGƯỜI

*(Kèm theo Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP
ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)*

1. Cơ sở đề nghị cấp phép nhập khẩu nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc trực tuyến đến Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn (sau đây gọi là cơ quan tiếp nhận hồ sơ);

2. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp giấy phép nhập khẩu theo Mẫu số 01 Phụ lục II ban hành kèm theo;

b) Một trong các tài liệu chứng minh mục đích nhập khẩu sau: Bản sao quyết định phê duyệt của cơ quan có thẩm quyền cho phép thực hiện đề tài hoặc dự án nghiên cứu còn hiệu lực; bản sao đề cương đề tài hoặc văn kiện dự án đã được phê duyệt; bản sao văn bản thỏa thuận còn hiệu lực giữa cơ sở trong nước và cơ sở nước ngoài về việc nhập khẩu mẫu bệnh phẩm; tài liệu chứng minh liên quan khác;

c) Một trong các tài liệu chứng minh phòng xét nghiệm thuộc đơn vị đề nghị hoặc phòng xét nghiệm được đơn vị đề nghị thuê, liên kết để tiếp nhận, lưu trữ mẫu bệnh phẩm đáp ứng yêu cầu an toàn sinh học, gồm: Bản tự công bố đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học đối với cơ sở xét nghiệm an toàn sinh học cấp I hoặc cấp II; Giấy chứng nhận cơ sở xét nghiệm đạt tiêu chuẩn an toàn sinh học đối với cơ sở xét nghiệm an toàn sinh học cấp III.

3. Trình tự thực hiện:

a) Cơ sở đề nghị cấp phép nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Phụ lục này;

b) Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan tiếp nhận hồ sơ xem xét và cấp giấy phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo;

c) Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc chưa hợp lệ, trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ, cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên địa bàn có văn bản yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ;

d) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ sở đề nghị cấp phép phải hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu.

TÊN ĐƠN VỊ NHẬP KHẨU **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /
 V/v

¹, ngày..... tháng... năm ...

VĂN BẢN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP NHẬP KHẨU MẪU BỆNH PHẨM

Kính gửi:[CƠ QUAN CẤP PHÉP]

Các nội dung nêu trong công văn bao gồm:

- Căn cứ để nhập khẩu mẫu bệnh phẩm
- Các thông tin về mẫu bệnh phẩm nhập khẩu
- + Thông tin loại mẫu bệnh phẩm (mẫu bệnh phẩm có chứa hoặc có khả năng chứa tác nhân gây bệnh truyền nhiễm cho người)
- Mục đích nhập khẩu;
- Loại mẫu;
- Nguồn gốc;
- Số lượng;
- Hình thức đóng gói;
- Nơi gửi;
- Nơi nhận;
- Đường vận chuyển;
- + Cam kết của đơn vị nhập khẩu (xuất khẩu) về việc an toàn sinh học, an ninh sinh học và quản lý tác nhân gây bệnh truyền nhiễm theo đúng các quy định pháp luật về.... mẫu bệnh phẩm.
- + Các tài liệu kèm theo....
- + Họ tên, số điện thoại liên hệ của cán bộ theo dõi.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ

(Ký tên, đóng dấu)

¹ Địa danh.

UBND [TỈNH]
[CƠ QUAN CẤP PHÉP]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /.....
V/v cấp phép nhập khẩu
mẫu bệnh phẩm

,, ngày tháng năm

Kính gửi: [TÊN ĐƠN VỊ NHẬP KHẨU]

Trả lời văn bản đề nghị cấp giấy phép mẫu bệnh phẩm của [TÊN ĐƠN VỊ NHẬP KHẨU] số..... về việc xin phép nhập khẩu mẫu bệnh phẩm, [CƠ QUAN CẤP PHÉP] có ý kiến như sau:

1. Đồng ý để [TÊN ĐƠN VỊ NHẬP KHẨU] nhập khẩu mẫu bệnh phẩm với các nội dung bao gồm: Mục đích nhập khẩu; Loại mẫu; Nguồn gốc; Số lượng; Hình thức đóng gói; Nơi gửi; Nơi nhận; Đường vận chuyển; Các thông tin khác nếu cần (có thể liệt kê chi tiết tại Phụ lục đính kèm văn bản).

2. [TÊN ĐƠN VỊ NHẬP KHẨU] tự chịu trách nhiệm về việc tuân thủ các quy định về an toàn sinh học, an ninh sinh học và quản lý tác nhân gây bệnh truyền nhiễm theo đúng các quy định pháp luật.

[CƠ QUAN CẤP PHÉP] thông báo để [TÊN ĐƠN VỊ NHẬP KHẨU] biết và thực hiện.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....;

- Lưu:

[NGƯỜI ĐÚNG ĐẦU CƠ QUAN CẤP PHÉP]

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)



Phụ lục III

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ, THỦ TỤC CẤP MỚI, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH, GIẤY PHÉP HÀNH NGHỀ KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

*(Kèm theo Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP
ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)*

Phần 1. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

1. Trong giai đoạn từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, trình tự, thủ tục cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị cấp giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng trường hợp quy định tại khoản 1 đến khoản 4 Điều 130 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử) và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là cơ quan tiếp nhận hồ sơ);

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện việc cấp giấy phép hành nghề trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp không cấp giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cần xác minh tài liệu có yếu tố nước ngoài trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề thì thời hạn cấp giấy phép hành nghề là 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, trình tự, thủ tục cấp mới giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị cấp giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng trường hợp quy định tại khoản 1 đến khoản 5 Điều 14 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử) và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện việc cấp giấy phép hành nghề trong thời hạn 20 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp không cấp giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cần xác minh tài liệu có yếu tố nước ngoài trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề thì thời hạn cấp giấy phép hành nghề là 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

3. Trình tự, thủ tục cấp mới giấy phép khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc phương pháp chữa bệnh gia truyền thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị cấp giấy phép hành nghề gửi 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng trường hợp quy định tại khoản 1 đến khoản 6 Điều 22 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử) và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ thực hiện việc cấp giấy phép hành nghề trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. Trường hợp không cấp giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp cần xác minh tài liệu có yếu tố nước ngoài trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hành nghề thì thời hạn cấp giấy phép hành nghề là 20 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

Phần 2. Hồ sơ, trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh.

1. Trong giai đoạn từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề hoặc chứng chỉ hành nghề được cấp trước ngày 01 tháng 01 năm 2024 nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề tương ứng với từng trường hợp quy định tại khoản 1 đến khoản 17 Điều 132 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử) và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải cấp lại giấy phép hành nghề trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; trường hợp không cấp lại giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp cần xác minh tài liệu có yếu tố nước ngoài trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề thì thời hạn cấp lại là 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện, tâm lý lâm sàng thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề tương ứng với từng trường hợp quy định tại khoản 1 đến khoản 4 Điều 16 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử) và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải cấp lại giấy phép hành nghề trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; trường hợp không cấp lại giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp cần xác minh tài liệu có yếu tố nước ngoài trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề thì thời hạn cấp lại là 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

3. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc phương pháp chữa bệnh gia truyền thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề tương ứng với từng trường hợp quy định tại khoản 1 đến khoản 8 Điều 24 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử) và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải cấp lại giấy phép hành nghề trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; trường hợp không cấp lại giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

c) Trường hợp cần xác minh tài liệu có yếu tố nước ngoài trong hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hành nghề thì thời hạn cấp lại là 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

Phần 3. Hồ sơ, trình tự, thủ tục gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

1. Trong giai đoạn từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, trình tự, thủ tục gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 134 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử) và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ tối thiểu 40 ngày làm việc trước ngày giấy phép hành nghề hết hạn;

Trường hợp bị ốm đau, tai nạn hoặc trường hợp bất khả kháng tại thời điểm nộp hồ sơ gia hạn thì phải có văn bản thông báo cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ để lùi thời gian nộp hồ sơ gia hạn giấy phép hành nghề;

Người hành nghề được đề nghị lùi thời điểm gia hạn nhiều lần nhưng tổng thời gian lùi thời điểm thực hiện gia hạn không quá 22 tháng kể từ ngày giấy phép hành nghề hết hạn;

b) Trong thời gian kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thực hiện việc gia hạn hoặc phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do nếu không thực hiện việc gia hạn; trường hợp đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề mà không có văn bản trả lời thì giấy phép hành nghề tiếp tục có hiệu lực theo quy định;

c) Trường hợp cần xác minh việc cập nhật kiến thức y khoa liên tục của người hành nghề theo chương trình do cơ quan, tổ chức nước ngoài thực hiện thì thời hạn thực hiện thủ tục gia hạn là 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, trình tự, thủ tục gia hạn giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh chuyên môn là bác sỹ, y sỹ, điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y, dinh dưỡng lâm sàng, cấp cứu viên ngoại viện thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề nộp 01 bộ hồ sơ theo quy định tại khoản 1 Điều 18 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử) và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ tối thiểu 40 ngày làm việc trước ngày giấy phép hành nghề hết hạn;

Trường hợp bị ốm đau, tai nạn hoặc trường hợp bất khả kháng tại thời điểm nộp hồ sơ gia hạn thì phải có văn bản thông báo cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ để lùi thời gian nộp hồ sơ gia hạn giấy phép hành nghề;

Người hành nghề được đề nghị lùi thời điểm gia hạn nhiều lần nhưng tổng thời gian lùi thời điểm thực hiện gia hạn không quá 22 tháng kể từ ngày giấy phép hành nghề hết hạn;

b) Trong thời gian kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thực hiện việc gia hạn hoặc phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do nếu không thực hiện việc gia hạn; trường hợp đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề mà không có văn bản trả lời thì giấy phép hành nghề tiếp tục có hiệu lực theo quy định;

c) Trường hợp cần xác minh việc cập nhật kiến thức y khoa liên tục của người hành nghề do cơ quan, tổ chức nước ngoài thực hiện thì thời hạn thực hiện thủ tục gia hạn là 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

3. Trình tự, thủ tục gia hạn giấy phép khám bệnh, chữa bệnh đối với chức danh chuyên môn là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc phương pháp chữa bệnh gia truyền thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị gia hạn giấy phép hành nghề nộp hồ sơ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử) và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ tối thiểu 40 ngày làm việc trước ngày giấy phép hành nghề hết hạn;

Trường hợp bị ốm đau, tai nạn hoặc trường hợp bất khả kháng tại thời điểm nộp hồ sơ gia hạn thì phải có văn bản thông báo cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ để lùi thời gian nộp hồ sơ gia hạn giấy phép hành nghề;

Người hành nghề được đề nghị lùi thời điểm gia hạn nhiều lần nhưng tổng thời gian lùi thời điểm thực hiện gia hạn không quá 22 tháng kể từ ngày giấy phép hành nghề hết hạn;

b) Trong thời gian kể từ khi nhận đủ hồ sơ đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề, cơ quan tiếp nhận hồ sơ có trách nhiệm thực hiện việc gia hạn hoặc phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do nếu không thực hiện việc gia hạn; trường hợp đến ngày hết hạn ghi trên giấy phép hành nghề mà không có văn bản trả lời thì giấy phép hành nghề tiếp tục có hiệu lực theo quy định.

Phần 4. Hồ sơ, trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh

1. Trong giai đoạn từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2026, trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 135 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề nộp 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng trường hợp quy định tại khoản 1 đến khoản 3 Điều 136 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử) và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho Cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải điều chỉnh giấy phép hành nghề trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; trường hợp không điều chỉnh giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Hình thức điều chỉnh giấy phép hành nghề: quyết định điều chỉnh phạm vi hành nghề theo Mẫu 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP. Quyết định điều chỉnh phạm vi hành nghề là phần không tách rời của giấy phép hành nghề đã cấp.

c) Trường hợp cần xác minh tài liệu có yếu tố nước ngoài trong Hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề thì thời hạn điều chỉnh là 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

2. Từ ngày 01 tháng 01 năm 2027, trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy phép hành nghề khám bệnh, chữa bệnh đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 19 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP thực hiện theo quy định sau đây:

a) Người đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề nộp 01 bộ hồ sơ tương ứng với từng trường hợp quy định tại khoản 1 hoặc khoản 2 Điều 20 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP (trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử) và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan tiếp nhận hồ sơ;

b) Cơ quan tiếp nhận hồ sơ phải điều chỉnh giấy phép hành nghề trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; trường hợp không điều chỉnh giấy phép hành nghề thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do;

Hình thức điều chỉnh giấy phép hành nghề: quyết định điều chỉnh phạm vi hành nghề theo Mẫu 10 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP. Quyết định điều chỉnh phạm vi hành nghề là phần không tách rời của giấy phép hành nghề đã cấp;

c) Trường hợp cần xác minh tài liệu có yếu tố nước ngoài trong hồ sơ đề nghị điều chỉnh giấy phép hành nghề thì thời hạn điều chỉnh là 10 ngày làm việc kể từ ngày có kết quả xác minh.

Phần 5. Trình tự, thủ tục đình chỉ hành nghề và xử lý sau khi đình chỉ hành nghề

1. Đối với trường hợp người hành nghề bị đình chỉ theo kết luận của Hội đồng chuyên môn quy định tại Điều 101 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh (điểm a khoản 1 Điều 34 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh), trình tự, thủ tục đình chỉ hành nghề thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trường hợp Hội đồng chuyên môn do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự thành lập theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 101 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, Chủ tịch Hội đồng chuyên môn có trách nhiệm ký văn bản gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Hội đồng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm báo cáo cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ lý do đề nghị đình chỉ hành nghề;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quyết định đình chỉ. Nội dung quyết định đình chỉ phải căn cứ vào kết luận của Hội đồng chuyên môn;

b) Trường hợp Hội đồng chuyên môn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 101 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, Chủ tịch Hội đồng chuyên môn có trách nhiệm ký văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó phải nêu rõ lý do đề nghị đình chỉ hành nghề;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quyết định đình chỉ. Nội dung quyết định đình chỉ phải căn cứ vào kết luận của Hội đồng chuyên môn.

2. Đối với trường hợp người hành nghề bị đình chỉ theo kết luận của cơ quan có thẩm quyền về có vi phạm đạo đức nghề nghiệp nhưng chưa đến mức phải thu hồi giấy phép hành nghề (điểm b khoản 1 Điều 34 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh), trình tự, thủ tục đình chỉ hành nghề thực hiện theo quy định sau đây:

a) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kết luận người hành nghề vi phạm đạo đức nghề nghiệp không có chức năng đình chỉ, thu hồi giấy phép hành nghề:

- Cơ quan có thẩm quyền gửi kết luận bằng văn bản về hành vi vi phạm đạo đức nghề nghiệp trong đó đề nghị và nêu rõ lý do đình chỉ hành nghề cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về y tế quản lý trực tiếp người hành nghề;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về y tế quản lý trực tiếp người hành nghề có trách nhiệm ban hành quyết định đình chỉ hành nghề. Nội dung quyết định đình chỉ hành nghề phải căn cứ vào văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền;

b) Trường hợp cơ quan có thẩm quyền kết luận người hành nghề vi phạm đạo đức nghề nghiệp có chức năng đình chỉ thu hồi, giấy phép hành nghề:

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày có văn bản kết luận, cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm ban hành quyết định đình chỉ hành nghề. Nội dung quyết định đình chỉ hành nghề phải căn cứ vào văn bản kết luận.

3. Đối với trường hợp người hành nghề bị đình chỉ do không đủ sức khỏe để hành nghề (điểm c khoản 1 Điều 34 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh), trình tự, thủ tục đình chỉ hành nghề thực hiện theo quy định sau đây:

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền (bao gồm: Tòa án, cơ quan giám định, cơ sở khám sức khỏe) về việc người hành nghề không đủ sức khỏe để hành nghề, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về y tế quản lý trực tiếp người hành nghề có trách nhiệm ban hành quyết định đình chỉ. Nội dung quyết định đình chỉ phải căn cứ vào văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

4. Quyết định đình chỉ một phần hoặc toàn bộ phạm vi hành nghề của người hành nghề phải bao gồm các nội dung sau:

a) Đình chỉ một phần hay toàn bộ phạm vi hành nghề của người hành nghề, nếu đình chỉ một phần thì nêu rõ phạm vi đình chỉ;

b) Thời hạn đình chỉ;

c) Yêu cầu về cập nhật kiến thức y khoa liên tục cho người hành nghề, trừ trường hợp người hành nghề là lương y, người có bài thuốc gia truyền hoặc phương pháp chữa bệnh gia truyền;

d) Điều kiện tiếp tục hành nghề.

5. Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày ban hành quyết định đình chỉ một phần hoặc toàn bộ phạm vi hành nghề của người hành nghề, cơ quan ban hành quyết định đình chỉ có trách nhiệm:

a) Gửi quyết định đình chỉ cho người hành nghề và thực hiện việc giới hạn phạm vi hành nghề của người bị đình chỉ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi người hành nghề làm việc để thực hiện và tổ chức xã hội - nghề nghiệp về khám bệnh, chữa bệnh để giám sát;

b) Gửi quyết định đình chỉ cho cơ quan đã cấp giấy phép hành nghề cho người hành nghề đó đối với trường hợp cơ quan ra quyết định đình chỉ không phải là cơ quan đã cấp giấy phép hành nghề cho người hành nghề.

6. Xử lý sau khi đình chỉ hành nghề thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

Phần 6. Hồ sơ, trình tự, thủ tục thu hồi giấy phép hành nghề

A. Hồ sơ

Hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh gồm:

1. Đơn đề nghị;

2. Bản chính (nếu có) hoặc bản sao hợp lệ giấy phép hành nghề đã được cấp (không áp dụng đối với trường hợp giấy phép hành nghề đã được kết nối, chia sẻ trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh hoặc cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế).

B. Trình tự, thủ tục

1. Đối với trường hợp quy định tại điểm a, b, c, d khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

a) Cơ quan, tổ chức, cá nhân phát hiện người hành nghề thuộc trường hợp phải thu hồi giấy phép hành nghề thông báo cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xác minh hồ sơ, tài liệu và thông tin do tổ chức cá nhân cung cấp, nếu thuộc trường hợp thu hồi thì ra quyết định thu hồi giấy phép hành nghề.

2. Đối với trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề của người hành nghề trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ khi nhận được thông báo, tổng đạt của cơ quan có thẩm quyền về việc người hành nghề thuộc trường hợp bị cấm hành nghề theo quy định tại khoản 1, 2, 3, 4 và 6 Điều 20 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

3. Đối với trường hợp quy định tại điểm e, g khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

a) Trường hợp Hội đồng chuyên môn do cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tự thành lập theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 101 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, Chủ tịch Hội đồng chuyên môn có trách nhiệm ký văn bản gửi cơ sở khám bệnh, chữa bệnh;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của Chủ tịch Hội đồng, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có trách nhiệm báo cáo cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh bằng văn bản, trong đó phải nêu rõ lý do đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề. Nội dung quyết định thu hồi phải căn cứ vào kết luận của Hội đồng chuyên môn.

b) Trường hợp Hội đồng chuyên môn do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 101 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày có kết luận, Chủ tịch Hội đồng chuyên môn có trách nhiệm ký văn bản gửi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, trong đó phải nêu rõ lý do đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề;

- Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chủ tịch Hội đồng chuyên môn quy định tại điểm b khoản này, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề. Nội dung quyết định thu hồi phải căn cứ vào kết luận của Hội đồng chuyên môn.

4. Đối với trường hợp quy định tại điểm h khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Trong thời gian 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kết luận người hành nghề lần thứ hai trong thời hạn của giấy phép hành nghề có vi phạm đạo đức nghề nghiệp đến mức phải đình chỉ hành nghề của cơ quan có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền về y tế quản lý trực tiếp người hành nghề có trách nhiệm ban hành quyết định thu hồi giấy phép hành nghề. Nội dung quyết định thu hồi giấy phép hành nghề phải căn cứ vào văn bản kết luận của cơ quan có thẩm quyền.

5. Đối với trường hợp quy định tại điểm i khoản 1 Điều 35 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh:

Cơ quan tiếp nhận hồ sơ ra quyết định thu hồi giấy phép hành nghề sau 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đề nghị thu hồi giấy phép hành nghề của người hành nghề (qua hình thức nộp trực tiếp, qua bưu chính hoặc qua môi trường điện tử).

6. Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề gồm các nội dung sau:

- a) Họ và tên người hành nghề, số giấy phép hành nghề;
- b) Quyết định thu hồi giấy phép hành nghề và lý do thu hồi;
- c) Điều kiện để được tiếp tục hành nghề.

7. Trong thời gian 10 ngày làm việc kể từ ngày ra quyết định thu hồi, cơ quan thu hồi gửi quyết định cho người hành nghề, cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi làm việc và thực hiện việc hủy bỏ đăng ký hành nghề của người hành nghề đó trên Cổng thông tin điện tử hoặc trang tin điện tử của cơ quan tiếp nhận hồ sơ và Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.



Phụ lục IV

HỒ SƠ, TRÌNH TỰ THỦ TỤC CẤP MỚI, CẤP LẠI, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH THEO QUY ĐỊNH CỦA LUẬT KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

*(Kèm theo Nghị quyết số 21/2026/NQ-CP
Ngày 29 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ)*

Phần 1. Trình tự, thủ tục cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho bệnh viện tư nhân

1. Bệnh viện tư nhân nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép hoạt động (sau đây viết tắt là cơ quan cấp giấy phép hoạt động).

2. Sau khi nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động trả cho bệnh viện tư nhân đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động phiếu tiếp nhận hồ sơ.

3. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động phải có văn bản gửi Bộ Y tế để xác minh thông tin của bệnh viện tư nhân đề nghị cấp lại giấy phép hoạt động theo Mẫu 01 ban hành kèm theo Phụ lục này, trừ trường hợp bệnh viện tư nhân đã nộp kèm theo hồ sơ bản gốc giấy phép hoạt động hoặc bản sao được chứng thực bản sao từ bản chính theo quy định của pháp luật về chứng thực bản sao từ bản chính (Bệnh viện tư nhân phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với tính xác thực và hiệu lực của bản sao từ bản chính).

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác minh thông tin tại khoản 3 Phần này, Bộ Y tế phải có văn bản trả lời xác minh nội dung thông tin theo Mẫu 02 ban hành kèm theo Phụ lục này.

5. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xác minh của Bộ Y tế quy định tại khoản 4 Phần này hoặc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ theo quy định tại khoản 2 Phần này đối với trường hợp bệnh viện tư nhân đã nộp kèm theo hồ sơ bản gốc giấy phép hoạt động hoặc bản sao được chứng thực bản sao từ bản chính theo quy định của pháp luật về chứng thực bản sao từ bản chính, cơ quan cấp giấy phép hoạt động thực hiện việc cấp lại giấy phép hoạt động cho bệnh viện tư nhân theo quy định tại Mẫu 03 ban hành kèm theo Phụ lục này và cập nhật thông tin về việc cấp lại giấy phép hoạt động trên cổng thông tin điện tử hoặc trang tin điện tử của cơ quan và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh. Quyết định cấp lại giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh có giá trị như giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

Phần 2. Trình tự, thủ tục điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm cho bệnh viện tư nhân

1. Nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị thay đổi tên, địa chỉ, thời gian làm việc của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo quy định tại khoản 1 Điều 64 Nghị định số 96/2023/NĐ-CP và nộp phí theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí cho cơ quan cấp giấy phép hoạt động.

2. Sau khi nhận hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động trả cho cơ sở đề nghị phiếu tiếp nhận hồ sơ theo Mẫu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP.

3. Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, cơ quan cấp giấy phép hoạt động phải có văn bản gửi Bộ Y tế để xác minh thông tin của bệnh viện tư nhân đề nghị điều chỉnh giấy phép hoạt động theo Mẫu 01 ban hành kèm theo Phụ lục này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ tại khoản 2 Phần này, trừ trường hợp bệnh viện tư nhân đã nộp kèm theo hồ sơ bản gốc giấy phép hoạt động hoặc bản sao được chứng thực bản sao từ bản chính theo quy định của pháp luật về chứng thực bản sao từ bản chính (Bệnh viện tư nhân phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật đối với tính xác thực và hiệu lực của bản sao từ bản chính).

4. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản xác minh thông tin tại khoản 3 Phần này, Bộ Y tế phải có văn bản trả lời xác minh nội dung thông tin theo Mẫu 02 ban hành kèm theo Phụ lục này.

5. Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản xác minh của Bộ Y tế quy định tại khoản 4 Phần này hoặc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ tại khoản 2 Phần này đối với trường hợp bệnh viện tư nhân đã nộp kèm theo hồ sơ bản gốc giấy phép hoạt động hoặc bản sao được chứng thực bản sao từ bản chính theo quy định của pháp luật về chứng thực bản sao từ bản chính, cơ quan cấp giấy phép hoạt động thực hiện việc cấp quyết định cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động do thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm cho bệnh viện tư nhân theo quy định tại Mẫu 04 ban hành kèm theo Phụ lục này.

6. Trường hợp có yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày ghi trên phiếu tiếp nhận hồ sơ tại khoản 2 Phần này, cơ quan cấp giấy phép hoạt động có văn bản gửi cơ sở đề nghị, trong đó phải nêu cụ thể các tài liệu, nội dung cần sửa đổi, bổ sung.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày có văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung, cơ sở đề nghị phải nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu. Sau thời hạn trên, cơ sở đề nghị không sửa đổi, bổ sung thì hồ sơ đã nộp không còn giá trị.

7. Sau khi nhận hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp giấy phép hoạt động trả cho cơ sở đề nghị phiếu tiếp nhận hồ sơ theo Mẫu 02 Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 96/2023/NĐ-CP đối với hồ sơ sửa đổi, bổ sung:

a) Trường hợp hồ sơ sửa đổi, bổ sung không đáp ứng yêu cầu, cơ quan cấp giấy phép hoạt động phải có văn bản thông báo cho cơ sở đề nghị theo quy định tại khoản 6 Phần này.

Trong thời hạn 06 tháng, kể từ ngày cơ quan cấp giấy phép hoạt động có văn bản thông báo sửa đổi, bổ sung, cơ sở đề nghị phải nộp hồ sơ sửa đổi, bổ sung theo yêu cầu. Sau thời hạn trên, cơ sở đề nghị không sửa đổi, bổ sung hoặc sau 12 tháng, kể từ ngày nộp hồ sơ lần đầu mà hồ sơ bổ sung không đáp ứng yêu cầu thì hồ sơ đã nộp không còn giá trị.

b) Trường hợp không có yêu cầu sửa đổi, bổ sung đối với hồ sơ sửa đổi, bổ sung, cơ quan cấp giấy phép hoạt động thực hiện theo quy định tại khoản 3, 4 và 5 Phần này.

8. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày cấp quyết định điều chỉnh giấy phép hoạt động, cơ quan cấp giấy phép hoạt động công bố, cập nhật trên cổng thông tin điện tử của mình và trên Hệ thống thông tin về quản lý hoạt động khám bệnh, chữa bệnh các thông tin liên quan đến nội dung điều chỉnh.

9. Quyết định điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm có giá trị như giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

Mẫu 01

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC²

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....³.....

.....⁴....., ngày..... tháng..... năm.....

V/v đề nghị xác minh thông tin giấy
phép hoạt động đối với Bệnh viện ...⁵...

Kính gửi: Bộ Y tế.

Ngày .../.../....²..... nhận được Hồ sơ đề nghị cấp lại/điều
chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do⁶.... của Bệnh viện
.....⁵..... với các thông tin cơ bản sau:

1. Tên bệnh viện:.....⁵.....
2. Hình thức tổ chức:.....⁷.....
3. Địa chỉ hoạt động:.....⁸.....
4. Thời gian làm việc hằng ngày:.....⁹.....
5. Số giấy phép hoạt động đã được cấp:.....
6. Ngày cấp giấy phép hoạt động:.....

.....²..... kính đề nghị Bộ Y tế xác nhận tính xác thực đối với các
thông tin nêu trên để làm căn cứ cấp lại/điều chỉnh giấy phép hoạt động khám
bệnh, chữa bệnh cho Bệnh viện⁵.....

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu:

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

¹ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp của cơ quan cấp giấy phép hoạt động (nếu có).

² Tên cơ quan cấp giấy phép hoạt động.

³ Chữ viết tắt tên cơ quan cấp giấy phép hoạt động.

⁴ Địa danh.

⁵ Tên Bệnh viện tư nhân đề nghị cấp lại/điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (lưu ý: ghi đầy đủ cả nội dung tên công ty chủ quản ví dụ: Bệnh viện A thuộc Công ty Cổ phần B).

⁶ Ghi trường hợp đề nghị cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 53 và điểm c, d khoản 1 Điều 54 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh, riêng đối với trường hợp cấp lại do sai sót thông tin, điều chỉnh giấy phép hoạt động do thay đổi thời gian làm việc hoặc thay đổi tên, địa chỉ của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nhưng không thay đổi địa điểm cần ghi rõ nội dung sai sót, điều chỉnh.

⁷ Hình thức tổ chức trên giấy phép hoạt động đã được cấp.

⁸ Địa chỉ hoạt động trên giấy phép hoạt động đã được cấp.

⁹ Thời gian làm việc hằng ngày trên giấy phép hoạt động đã được cấp.

Mẫu 02

BỘ Y TẾ
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC¹⁰

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....¹¹.....

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm.....

V/v xác minh thông tin giấy phép
hoạt động đối với Bệnh viện ...¹²...

Kính gửi:¹³.....

Ngày .../.../.....¹..... nhận được Công văn số.....¹⁴..... của
.....⁴..... về việc đề nghị xác minh thông tin giấy phép hoạt động đối với
Bệnh viện³..... Sau khi nghiên cứu Công văn,¹..... có ý kiến
như sau:

Thông tin của Bệnh viện³..... đã đúng/chưa đúng với thông tin giấy
phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do Bộ Y tế cấp¹⁵.

Trên đây là ý kiến của¹..... gửi⁴..... để làm căn cứ cấp
lại/điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh cho Bệnh viện
.....⁵.....

Xin trân trọng cảm ơn.

Nơi nhận:

- Như trên;

.....

- Lưu:

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

¹⁰ Tên cơ quan cấp giấy phép hoạt động trước đây (Cục Quản lý Khám, chữa bệnh hoặc Cục Quản lý Y, Dược Cổ truyền).

¹¹ Chữ viết tắt tên cơ quan cấp giấy phép hoạt động.

¹² Tên Bệnh viện tư nhân đề nghị cấp lại/điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (lưu ý: ghi đầy đủ cả nội dung tên công ty chủ quản ví dụ: Bệnh viện A thuộc Công ty Cổ phần B).

¹³ Tên cơ quan đề nghị xác minh thông tin giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

¹⁴ Số Công văn đề nghị xác minh thông tin giấy phép hoạt động.

¹⁵ Trường hợp nội dung chưa đúng với giấy phép hoạt động do Bộ Y tế cấp, ghi rõ các nội dung sai khác.

TÊN CQ, TC CHỦ QUẢN¹⁶
TÊN CƠ QUAN, TỔ CHỨC¹⁷

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../.....¹⁸

....¹⁹, ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp lại/điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

.....²⁰

Căn cứ Luật Khám bệnh, chữa bệnh ngày 09 tháng 01 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số 96/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khám bệnh, chữa bệnh;

Căn cứ Nghị quyết số /2026/NQ-CP ngày tháng năm 2026 của Chính phủ Quy định cắt giảm, đơn giản hóa điều kiện kinh doanh, thủ tục hành chính và phân cấp thẩm quyền thực hiện thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực y tế;

Căn cứ đơn đề nghị cấp lại/điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh ngày ... tháng năm...của²¹

Theo đề nghị của²²

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp lại/điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh do²³ đối với:

1. Tên cơ sở khám bệnh, chữa bệnh:.....⁶
2. Hình thức tổ chức:.....²⁴
3. Địa chỉ hoạt động:.....²⁵
4. Thời gian làm việc hằng ngày:.....²⁶

¹⁶ Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp của cơ quan cấp giấy phép hoạt động (nếu có).

¹⁷ Tên cơ quan cấp giấy phép hoạt động.

¹⁸ Chữ viết tắt tên cơ quan cấp giấy phép hoạt động.

¹⁹ Địa danh.

²⁰ Chức danh người đứng đầu cơ quan cấp giấy phép hoạt động.

²¹ Tên Bệnh viện tư nhân đề nghị cấp lại/điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh (lưu ý: ghi đầy đủ cả nội dung tên công ty chủ quản ví dụ: Bệnh viện A thuộc Công ty Cổ phần B).

²² Ghi rõ chức danh người đứng đầu của đơn vị được giao chức năng đầu mỗi cấp lại, cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh.

²³ Ghi trường hợp đề nghị cấp lại, điều chỉnh giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh theo các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 53 và điểm c, d khoản 1 Điều 54 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh.

²⁴ Hình thức tổ chức trên giấy phép hoạt động đã được cấp.

²⁵ Địa chỉ hoạt động của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

²⁶ Thời gian làm việc hằng ngày của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành và có giá trị thay thế giấy phép hoạt động số ...²⁷.../BYT-GPHĐ do Bộ trưởng Bộ Y tế cấp ngày²⁸.....

Điều 3. Ông/bà có tên tại Điều 1 và ...²⁹... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;

.....

- Lưu:

CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ
(Ký ghi rõ họ, tên và đóng dấu)

²⁷ Số Giấy phép hoạt động đã được cấp trước đây của Bệnh viện tư nhân.

²⁸ Ngày cấp Giấy phép hoạt động trước đây của Bệnh viện tư nhân.

²⁹ Các đơn vị quản lý liên quan quyết định.